

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2024
“V/v Yêu cầu ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc.

Bà Quách Đình Hoàng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 704/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về “*Yêu cầu ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 01/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Ngọc T. Sinh năm: 1953.

Địa chỉ: 2 L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Bà Tạ Thị Kim L. Sinh năm: 1953.

Địa chỉ: 2 L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2023 bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Ông Đoàn Ngọc T và bà Tạ Thị Kim L chung sống với nhau vào năm 1975, tự nguyện chung sống không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian gần đây giữa ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là ông, bà bất đồng quan điểm sống và cuộc hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Đến nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đoàn Ngọc T yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Tạ Thị Kim L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Đoàn Ngọc T và bà Tạ Thị Kim L có 06 con chung:

Đoàn Quốc Q, sinh năm: 1975

Đoàn Thị Mỹ T1, sinh năm 1980

Đoàn Đám Đ, sinh năm: 1983

Đoàn Độc Đ1, sinh năm: 1985
Đoàn Thị Mỹ K, sinh năm: 1987
Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm: 1989
Đoàn Quốc T2, sinh năm: 1993.

Nay các con đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tại đơn yêu cầu ông T có yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất tại 2 L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00656 QSD Đ/695/2000/QĐ-UB (TP) diện tích 270m². Ngày 01/2/2024 ông Đoàn Ngọc T có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung, Tại Quyết định đình chỉ số: 18/2024/QĐST- HNGĐ ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, đã đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

Bị đơn bà Tạ Thị Kim L trình bày tại bản tự khai:

Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án về việc ông Đoàn Ngọc T yêu cầu ly hôn, bà nhận thấy các con đã trưởng thành, vợ chồng cũng đã lớn tuổi, mong muốn đoàn tụ, nhưng ông T vẫn cương quyết ly hôn bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung bà và ông Đoàn Ngọc T có 07 người con:

Đoàn Quốc Q, sinh năm: 1975
Đoàn Thị Mỹ T1, sinh năm 1980
Đoàn Đám Đ, sinh năm: 1983
Đoàn Độc Đ1, sinh năm: 1985
Đoàn Thị Mỹ K, sinh năm: 1987
Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm: 1989
Đoàn Quốc T2, sinh năm: 1993.

Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Đoàn Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku – tỉnh Gia Lai, giải quyết ly hôn đối với bị đơn bà Tạ Thị Kim L có nơi cư trú tại 2 L, tổ H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Ngọc T và bà Tạ Thị Kim L chung sống với nhau vào năm 1975, tự nguyện chung sống không có đăng ký kết hôn và đã có bảy người con chung. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì thời gian gần đây giữa ông, bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là ông, bà bất đồng quan điểm sống và cuộc hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Đến nay ông nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đoàn Ngọc T yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Tạ Thị Kim L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu ly hôn với bà L, Tòa án đã triệu tập nhiều lần bà L đến Tòa án, nhưng bà không đến để trình bày ý kiến và nguyên nhân mâu thuẫn để hòa giải đoàn tụ. Bà L viết bản tự khai không muốn ly hôn, mong muốn gia đình đoàn tụ, nhưng khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà biết đề đến tòa án và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bà L vẫn không chấp hành, như vậy chứng tỏ rằng bà L không mong muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình, bỏ mặc cho cuộc sống hôn nhân của mình. Cho nên đến tại thời điểm này ông T xác định không còn tình cảm với nhau nữa, không còn muốn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, do đó mà mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông Đoàn Ngọc T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với bà Tạ Thị Kim L.

Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa ông Đoàn Ngọc T và bà Tạ Thị Kim L là hôn nhân thực tế. Xét yêu cầu này của ông T là chính đáng, phù hợp với Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 về điều khoản chuyển tiếp quy định: “1. Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Do vậy, vấn đề nam nữ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn trước năm 1987 được giải quyết theo quy định tại điểm a, Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể như sau: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 1 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000” do đó áp dụng khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Ngọc T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông, bà có có bảy con chung đến nay các con đã trưởng thành và tự lập được, nên ông T không yêu cầu giải quyết là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[4] Về yêu cầu chia tài sản chung: Ngày 01/2/2024 ông Đoàn Ngọc T có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung, Tại Quyết định đình chỉ số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, đã đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Ngọc T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

- Áp dụng: điểm a, Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

2. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đoàn Ngọc T và bà Tạ Thị Kim L.
- Về con chung: Đã trưởng thành tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001388 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA-DS Tp. P
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa